



fěn cì

粉刺

noun · acne

Example Sentences

Tā liǎn shàng zhǎng le hěn duō fěn cì.
他脸上长了很多粉刺。

He has a lot of acne on his face.

Zhè zhǒng yào gāo duì fěn cì hěn yǒu xiào.
这种药膏对粉刺很有效。

This ointment is very effective for acne.

Trace each character, then write the word on your own.

粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉
粉	粉									
刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺	刺